

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

1
2
3
4
5

1
2
3
4
5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000 VND lên 75.000.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 30 tháng 08 năm 2010 tăng vốn điều lệ từ 75.000.000.000 VND lên 82.499.980.000 VND

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	2.785.200	37,14%
2	Vốn nhà nước		1.875.000	25,00%
3	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (thành lập lại từ Công ty thuộc lá Bến Thành)	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	359.162	4,79%
4	Và 92 cổ đông khác		2.480.638	33,08%
Tổng			7.500.000	100,00

• **Vốn điều lệ :** 82.499.980.000 VND

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3 790 7619

Fax : (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế : 0 3 0 1 1 5 0 2 9 5

- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bàn, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
- Ông Nguyễn Bán	Thành viên
- Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
- Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên
- Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

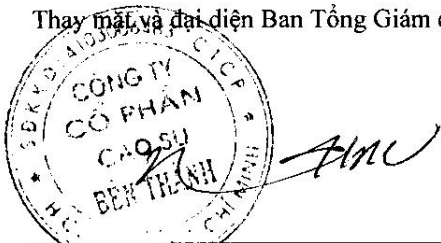
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ - P. Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011

Số: 0209/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2011, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng Công ty đang ghi nhận khoản lỗ trong giai đoạn trước khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ Phần như một khoản phải thu Nhà nước chờ ý kiến xử lý với số tiền 5.970.216.154 VND. Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, vấn đề nêu trên có thể thay đổi quan điểm của người đọc Báo cáo tài chính này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011



VŨ THỊ THU HƯƠNG - Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.024.704.842	96.153.377.344
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	38.126.813.574	43.333.664.353
1. Tiền	111		3.460.282.711	4.299.663.910
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.666.530.863	39.034.000.443
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.300.000.000	8.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	3.300.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		32.911.357.068	28.257.175.264
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.3	23.027.376.675	16.578.810.635
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	775.454.720	5.068.655.337
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.5	10.027.040.785	7.170.474.975
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.6	(918.515.112)	(560.765.683)
IV. Hàng tồn kho	140		30.884.277.216	14.458.634.041
Hàng tồn kho	141	VI.7	30.884.277.216	14.458.634.041
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.802.256.984	2.103.903.686
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.408.801.755	210.445.929
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.8	1.393.455.229	1.893.457.757
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.383.332.240	45.255.930.692
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		54.267.824.283	34.414.893.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	54.265.596.049	34.164.943.432
- Nguyên giá	222		97.511.086.414	71.257.054.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.245.490.365)	(37.092.111.451)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	2.228.234	3.350.137
- Nguyên giá	228		11.219.048	11.219.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.990.814)	(7.868.911)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.11	-	246.600.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.696.644.981	8.731.202.120
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.12	296.644.981	331.202.120
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.13	8.400.000.000	8.400.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.418.862.976	2.109.835.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14	2.368.862.846	2.007.904.653
2. Tài sản dài hạn khác	268		50.000.130	101.930.350
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.408.037.082	141.409.308.036

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

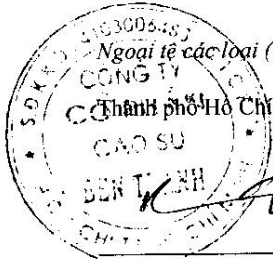
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		47.486.326.003	22.045.141.856
I. Nợ ngắn hạn	310		32.285.503.499	16.840.013.456
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.15	8.789.101.862	3.300.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	VI.16	8.411.398.075	2.605.008.024
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.17	325.143.600	175.611.720
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.18	3.906.681.533	1.922.178.895
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.19	171.671.302	1.424.810.849
6. Chi phí phải trả	316	VI.20	2.044.509.000	1.265.578.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.21	7.251.579.626	5.710.862.703
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	VI.22	1.235.643.328	987.286.038
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		149.775.173	(551.322.773)
II. Nợ dài hạn	330		15.200.822.504	5.205.128.400
1. Phải trả dài hạn khác	333		140.000.000	318.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.23	15.060.822.504	4.887.128.400
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.24	125.921.711.079	119.364.166.180
I. Nguồn vốn, quỹ	410		125.921.711.079	119.364.166.180
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.499.980.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.140.020.000	30.640.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.753.014.656	4.443.997.496
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.328.056.312	575.643.617
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.200.640.111	8.704.525.067
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		173.408.037.082	141.409.308.036

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)		16.057,23	17.955,13



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011

NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ
 Phó Tổng Giám Đốc

LƯU THỊ TỐ NHƯ
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

(Có so sánh số liệu năm 2009)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	112.448.238.775	74.925.580.821
2. Các khoản giảm trừ	03	VII.1	362.099.536	303.411.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	112.086.139.239	74.622.168.981
4. Giá vốn hàng bán	11		82.378.347.234	54.696.037.486
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.707.792.005	19.926.131.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.2	7.941.283.443	5.654.740.268
7. Chi phí tài chính	22	VII.3	2.609.136.756	676.163.931
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.081.358.719	23.071.032
8. Chi phí bán hàng	24	VII.4	12.917.741.139	9.555.708.447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	7.283.670.300	5.479.161.065
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.838.527.253	9.869.838.320
11. Thu nhập khác	31	VII.6	661.152.573	164.840.296
12. Chi phí khác	32	VII.7	664.125.211	2.509.351
13. Lợi nhuận khác	40		(2.972.638)	162.330.945
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		14.835.554.615	10.032.169.265
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	2.634.914.504	1.327.644.198
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>12.200.640.111</u>	<u>8.704.525.067</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.9	<u>1.478,87</u>	<u>1.055,09</u>



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011

NGUYỄN TRẦN NGHIÊM VŨ
Phó Tổng Giám Đốc

LƯU THỊ TÔ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

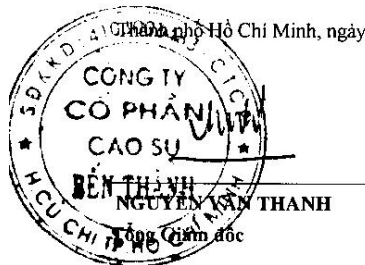
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		14.835.554.615	10.032.169.265
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.214.239.517	5.277.760.121
- Các khoản dự phòng	03		357.749.429	79.679.705
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(423.973.429)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.949.866)	-
- Chi phí lãi vay	06		1.081.358.719	23.071.032
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		22.037.978.985	15.412.680.123
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.310.841.715)	(20.579.820.028)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	323		(16.425.643.175)	(20.579.820.028)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.356.809.014	(801.224.822)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(360.958.193)	229.835.014
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.081.358.719)	(23.071.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.438.078.643)	(73.906.651)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.110.230	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(964.725.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(8.181.707.216)	2.639.104.050
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(26.724.295.931)	27.004.802
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		720.760.000	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		5.800.000.000	(16.400.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10.500.000.000	33.125.646
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	5.574.807.044
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(9.703.535.931)	(10.765.062.508)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		26.413.738.786	4.887.128.400
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.750.942.820)	(700.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.013.242.800)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		12.649.553.166	4.187.128.400
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.235.689.981)	(3.938.830.058)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		43.333.664.353	47.272.494.411
Ảnh hưởng của thay đổi chênh lệch tỷ giá	61		28.839.202	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	38.126.813.574	43.333.664.353

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011



(Handwritten signature)

LƯU THỊ TỎ NHƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất băng tải, dây courroie, dây truyền, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ tư của Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2009 là: 17.941 VND/USD

Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

4. Khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ.

7. Tài sản cố định và Khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được khấu trong 10 năm.

9. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Chi phí sửa chữa nhà xưởng phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất là 20 năm.

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư mua 700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Đông Dương.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp trong năm hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính

Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDn như sau:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Công ty đăng ký thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 05 tháng 07 năm 2007.

Năm 2010 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế phải nộp.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ của Công ty được trích lập khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	3.460.282.711	4.299.663.910
<i>Tiền mặt</i>	<i>53.704.152</i>	<i>1.643.259.766</i>
<i>Tiền mặt VND</i>	<i>53.704.152</i>	<i>1.643.259.766</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3.406.578.559</i>	<i>2.656.404.144</i>
<i>Tiền mặt VND</i>	<i>3.102.583.082</i>	<i>2.334.271.157</i>
<i>Tiền USD quy đổi sang VND</i>	<i>303.995.477</i>	<i>322.132.987</i>
Các khoản tương đương tiền	34.666.530.863	39.034.000.443
<i>Tiền VND gửi ngân hàng Kỹ Thương</i>	<i>23.200.000.000</i>	<i>14.911.883.333</i>
<i>Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư & Phát triển VN-CN sở GD 2</i>	<i>11.466.530.863</i>	<i>21.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Á Châu</i>	<i>-</i>	<i>3.122.117.110</i>
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	38.126.813.574	43.333.664.353

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Công ty TNHH Kỹ thuật Cao su Nhựa vay	-	2.500.000.000
Cho Ông Nguyễn Thanh Phương vay	-	5.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm ngân hàng ĐT&PTVN	3.300.000.000	-
Tổng cộng	3.300.000.000	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP xi măng Bim Sơn	702.009.000	102.058.000
Cty Xi măng Bút Sơn	723.206.000	1.764.152.280
Cty CP Cơ khí xây dựng Long An	582.408.000	1.758.207.000
Cty CP Xi măng Cẩm Phả	608.784.000	742.500.000
CN Cty CP XM Hà Tiên 1-NM xi măng Kiên Lương	731.720.000	-
Cty Hữu hạn xi măng Luks (Việt Nam)	4.255.909.000	3.150.007.850
Martec International	959.965.992	214.359.068
Cty TNHH MTV Than Quang Hanh	1.169.090.000	1.530.991.000
Công ty Than Thống Nhất	2.273.700.000	8.950.000
CN Cty CP Xi măng Fico Tây Ninh-NM XM Tây Ninh	1.145.496.000	-
Khách hàng khác	9.875.088.683	7.307.585.437
Tổng cộng	<u>23.027.376.675</u>	<u>16.578.810.635</u>

4. Trả trước cho người bán

Công ty CP TV TK XD Hoàng Ân	-	181.436.937
Tung Yu Hydraulic Machinery Co., Ltd	-	4.887.128.400
Phải trả Công ty TNHH Yi Tzung	775.454.720	-
Cửa hàng bán lẻ	-	90.000
Tổng cộng	<u>775.454.720</u>	<u>5.068.655.337</u>

5. Khoản phải thu khác

Công ty TNHH Một Thành Viên Cao Su 30-4	2.938.996.797	807.372.746
Phải thu về cổ phần hóa	365.886.075	365.886.075
Khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn Nhà nước trước khi chuyển sang Công ty Cổ phần	5.970.216.154	5.970.216.154
Khoản phải thu do chi dư trên quỹ phúc lợi	706.144.234	-
Phải thu khác	45.797.525	27.000.000
Tổng cộng	<u>10.027.040.785</u>	<u>7.170.474.975</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH 1.5	60.000.672	49.000.470
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	120.562.534	60.281.267
Cty TNHH thương mại Dịch vụ XNK ANP	42.984.620	-
Công ty TNHH Gia Thịnh	489.684.630	342.779.242
Công ty Công nghiệp ắc quy CENE	20.900.000	16.730.000
Công ty TNHH TM – DV điện tử CN & ĐT	22.472.000	11.236.000
Công ty Đại Lâm	69.912.000	48.938.400
Cty CP SX-TM Quế Bằng	27.475.650	
Công ty TNHH SX-TM VV Việt Vân	20.197.750	14.138.425
Cty TNHH SX-TM HMC	44.325.256	17.661.879
Tổng cộng	918.515.112	560.765.683

7. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	18.484.807.116	8.770.208.166
Công cụ, dụng cụ	185.846.384	137.552.127
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.511.073.889	1.606.992.938
Thành phẩm	7.142.603.972	2.162.308.702
Hàng gửi đi bán	1.559.945.855	1.781.572.108
Tổng cộng	30.884.277.216	14.458.634.041

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng	991.765.000	705.136.000
Trần Minh Danh	403.820.000	461.900.000
Dương Quốc Nhã	40.000.000	-
Hồ Chánh Trực	3.900.000	-
Nguyễn Minh Thái	257.445.000	113.236.000
Nguyễn Thị Thanh Thùy	218.000.000	113.000.000
Cá nhân khác	68.600.000	17.000.000
Ký quỹ ký cược	401.690.229	1.188.321.757
Ký quỹ ngân hàng Công Thương	-	9.782.300
Ký quỹ ngân hàng Á Châu	353698432	38.209.497
Ký quỹ ngân hàng TM CP Kỹ Thương	38.209.497	1.140.329.960
Ký quỹ ngân hàng đầu tư và phát triển	9.782.300	-
Tổng cộng	1.393.455.229	1.893.457.757

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Tài sản cố định hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	12.599.168.570	53.226.633.468	5.066.097.611	365.155.234	71.257.054.883
2. Tăng trong năm	344.749.000	25.250.583.665	1.331.354.201	44.209.065	26.970.895.931
3. Giảm trong năm	-	716.864.400	-	-	716.864.400
4. Số cuối năm	12.943.917.570	77.760.352.733	6.397.451.812	409.364.299	97.511.086.414
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	4.927.347.269	29.830.013.418	2.187.674.520	147.076.244	37.092.111.451
2. Tăng trong năm	547.938.558	5.046.302.772	553.948.590	64.927.694	6.213.117.614
3. Giảm trong năm	-	59.738.700	-	-	59.738.700
4. Số cuối năm	5.475.285.827	34.816.577.490	2.741.623.110	212.003.938	43.245.490.365
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	7.671.821.301	23.396.620.050	2.878.423.091	218.078.990	34.164.943.432
4. Số cuối năm	7.468.631.743	42.943.775.243	3.655.828.702	197.360.361	54.265.596.049

10. Tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị nhân hiệu</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	11.219.048	11.219.048
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	11.219.048	11.219.048
II. Hao mòn lũy kế		
1. Số đầu năm	7.868.911	7.868.911
2. Tăng trong năm	1.121.903	1.121.903
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	8.990.814	8.990.814
III. Giá trị còn lại		
1. Số đầu năm	3.350.137	3.350.137
2. Số cuối năm	2.228.234	2.228.234

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<i>Hạng mục</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Đầu tư trong năm</i>	<i>Kết chuyển trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Máy lưu hóa trống	-	17.217.056.665	17.217.056.665	-
Hệ thống hút bụi	246.600.000	-	246.600.000	-
Tổng cộng	246.600.000	17.217.056.665	17.463.656.665	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Góp vốn liên doanh vào Nông trường 30 – 4	694.809.283	694.809.283
Khấu hao vườn cao su	(398.164.302)	(363.607.163)
Tổng cộng	296.644.981	331.202.120

Đây là khoản liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cao su 30 – 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh. Theo hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HĐLKKT ngày 25 tháng 07 năm 1993 Với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

Địa chỉ : xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong năm 2010, Công ty nhận được lãi từ hoạt động liên kết là 3.382.792.381. VND.

13. Đầu tư dài hạn khác 8.400.000.000

Công ty mua 700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Đông Dương.

- Mệnh giá : 10.000
- Giá mua : 12.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa nhà xưởng		1.070.812.928	200.154.776	870.658.152
Công cụ, dụng cụ, phí bảo hiểm	820.409.651	115.954.999	503.195.604	433.169.046
Tiền thuê đất	1.174.755.300	-	121.526.400	1.053.228.900
Bảo hiểm tài sản	12.739.702	141.680.921	142.613.875	11.806.748
Tổng cộng	2.007.904.653	1.328.448.848	967.490.655	2.368.862.846

15. Vay và nợ ngắn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	-	15.833.701.862	10.344.600.000	5.489.101.862
NH Đầu tư và phát triển	-	6.209.401.862	720.300.000	5.489.101.862
NH Kỹ thương VN	-	9.624.300.000	9.624.300.000	-
Nợ quá hạn	3.300.000.000	-	-	3.300.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển đô thị TP.HCM	3.300.000.000	-	-	3.300.000.000
Tổng cộng	3.300.000.000	15.833.701.862	10.344.600.000	8.789.101.862

(*) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả từ Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ủy thác số 149/2002/HĐTD-UT/QĐT ngày 06 tháng 09 năm 2002.

Lãi suất : 0%

Phí ủy thác: 0,07%/tháng

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ưu tiên trả nợ gốc cho Quỹ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Vay ngân hàng Đầu tư và Phát Triển

Hợp đồng vay số 01/2010/HĐHM-PGD4 ngày 201 tháng 07 năm 2010

- + Hạn mức vay : 27.944,28 USD
- + Lãi suất vay : 6,5%/năm
- + Mục đích vay: Vay tiền thanh toán mua hàng

Hợp đồng vay số 01/2010/HĐHM-PGD4 ngày 20 tháng 07 năm 2010

- + Hạn mức vay : 31.399,20 USD
- + Lãi suất vay : 6,5%/năm
- + Mục đích vay: Vay tiền thanh toán mua hàng

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty TNHH BẢO TƯỢNG	1.117.168.707	174.523.707
Cty TNHH một thành viên cao su 30-4 Tây Ninh	2.846.323.840	429.043.800
Cty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	1.010.960.500	161.420.000
Cty TNHH MTV DV-TM Khôi Nghi	204.223.800	168.682.500
Cty Cổ Phần Cơ Khí xây Dựng Bình Triệu	163.767.248	163.767.248
Cty TNHH MTV Trụ Lộc	699.300.000	-
DNTN KD hoá chất và tư vấn XD Lâm Tâm Vy	228.000.000	-
Cty VLXD Xây lắp Thương Mại	1.290.073.813	1.290.073.813
Khách hàng khác	851.580.167	217.496.956
Tổng cộng	<u>8.411.398.075</u>	<u>2.605.008.024</u>

17. Người mua trả trước

Xưởng Cơ Khí Cao Lãnh	-	105.162.000
Cty CP Đầu tư XD Thành Thắng	-	70.449.720
Công ty TNHH TM SX CN Cường Thịnh	23.859.000	-
Công ty TNHH PT CN Phan Duy	172.229.000	-
Cty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long	27.620.000	-
Công ty CP CK Vinh	90.000.000	-
Khách hàng khác	11.435.600	-
Tổng cộng	<u>325.143.600</u>	<u>175.611.720</u>

15/11/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT		Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	1.922.178.895	11.050.495.201	9.065.992.563	3.906.681.533
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	353.288.220	1.940.536.097	2.109.932.706	183.891.611
2.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	163.164.065	5.121.325.017	4.208.744.258	1.075.744.824
3.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.236.670.880	2.634.914.504	1.438.078.643	2.433.506.741
3.	Thuế xuất nhập khẩu	35.700.347	573.040.170	527.809.089	80.931.428
4.	Tiền thuê đất	70.120.800	-	24.426.000	45.694.800
5.	Các loại thuế khác	63.234.583	780.679.413	757.001.867	86.912.129
	- Thuế thu nhập cá nhân	63.234.583	777.679.413	754.001.867	86.912.129
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.922.178.895	11.050.495.201	9.065.992.563	3.906.681.533

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng
 - + Doanh thu xuất khẩu : 0%
 - + Doanh thu bán cao su nguyên liệu : 5%
 - + Doanh thu bán thành phẩm : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.12)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

19. Phải trả người lao động 171.671.302

Tiền lương phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh	-	750.019.063
Hoa hồng bán hàng	2.044.509.000	515.558.937
Tổng cộng	2.044.509.000	1.265.578.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

21. Phải trả phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	61.145.146	-
Phải trả về cổ phần hóa	420.125.000	420.125.000
Cổ tức phải trả	1.507.357.200	-
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả khác	262.952.280	290.737.703
Tổng cộng	<u>7.251.579.626</u>	<u>5.710.862.703</u>

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm	1.235.643.328	987.286.038
Tổng cộng	<u>1.235.643.328</u>	<u>987.286.038</u>

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng kỹ thương	4.887.128.400	10.580.036.924	406.342.820	15.060.822.504
Tổng cộng	<u>4.887.128.400</u>	<u>10.580.036.924</u>	<u>406.342.820</u>	<u>15.060.822.504</u>

Chi tiết các khoản vay như sau:

Vay ngân hàng Kỹ thương

- + Hợp đồng tín dụng số 11646/HĐTD/TH-PN/TCB_CL
- + Hạn mức vay: 16.000.000.000 VND
- + Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ
- + Mục đích vay : Mua máy móc thiết bị
- + Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản hình thành trên đất ở khu công nghiệp tây bắc Củ Chi, huyện Củ Chi Thành Phố Hồ Chí Minh.

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu và các quỹ

Năm nay	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.640.000.000	7.499.980.000	7.499.980.000	105.640.000.000
Vốn cổ phần	75.000.000.000	7.499.980.000	-	82.499.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.640.000.000	-	7.499.980.000	23.140.020.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8.704.525.067	12.200.640.111	8.704.525.067	12.200.640.111
Các quỹ	5.019.641.113	3.061.429.855	-	8.081.070.968
Quỹ đầu tư phát triển	4.443.997.496	2.309.017.160	-	6.753.014.656
Quỹ dự phòng tài chính	575.643.617	752.412.695	-	1.328.056.312
Tổng cộng	<u>119.364.166.180</u>	<u>22.762.049.966</u>	<u>16.204.505.067</u>	<u>125.921.711.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn nhà nước	20.625.000.000	18.750.000.000
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	3.950.780.000	3.591.620.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	23.100.000.000	21.000.000.000
Tập đoàn cao su Công Nghiệp Việt Nam	7.920.000.000	7.200.000.000
Các cổ đông khác	26.904.200.000	24.458.380.000
Tổng cộng	<u>82.499.980.000</u>	<u>75.000.000.000</u>

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.249.998	7.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.249.998	7.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	7.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.249.998	7.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.249.998	7.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		8.704.525.067
Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong năm	12.200.640.111	
Phân phối lợi nhuận	8.704.525.067	
Phân phối lợi nhuận năm 2009	4.500.000.000	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.309.017.160	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	752.412.695	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.143.095.212	
Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau	<u>12.200.640.111</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng nội địa	106.890.950.701	70.873.125.674
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	5.041.833.528	3.083.364.245
Doanh thu cho thuê mặt bằng	515.454.546	969.090.902
Các khoản giảm trừ	362.099.536	303.411.840
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	168.411.840
<i>Giảm giá hàng bán</i>	362.099.536	135.000.000
Doanh thu thuần	<u>112.086.139.239</u>	<u>74.622.168.981</u>

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	4.306.995.147	4.119.171.789
Lãi chênh lệch tỷ giá	251.495.915	77.788.078
Lãi liên doanh	3.382.792.381	1.457.780.401
Cộng	<u>7.941.283.443</u>	<u>5.654.740.268</u>

3. Chi phí tài chính

Lãi vay	1.081.358.719	23.071.032
Chi phí ủy thác	-	23.359.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	774.169.950	495.466.674
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	395.134.227	-
Chi phí tài chính khác	358.473.860	134.267.225
Cộng	<u>2.609.136.756</u>	<u>676.163.931</u>

4. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	1.916.638.337	1.460.238.845
Chi phí vật liệu bao bì	143.549.196	187.104.008
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.155.767	17.120.273
Chi phí khấu hao TSCĐ	56.594.084	51.072.252
Chi phí bảo hành	509.263.883	818.026.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.178.572.247	6.841.096.652
Chi phí bằng tiền khác	78.999.136	174.491.356
Chi phí chào hàng mẫu	14.968.489	6.558.553
Cộng	<u>12.917.741.139</u>	<u>9.555.708.447</u>

10/10/10

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.096.765.710	2.595.320.014
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.329.511	41.200.605
Chi phí khấu hao	370.226.004	324.529.040
Chi phí lập dự phòng	357.749.429	3.000.000
Thuế, phí, lệ phí	70.211.080	87.704.705,00
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.652.393.486	1.884.940.891
Chi phí bằng tiền khác	697.995.080	542.465.810
Cộng	<u>7.283.670.300</u>	<u>5.479.161.065</u>

6. Thu nhập khác

Lãi trả chậm được miễn	-	10.687.226
Lãi quá hạn được miễn	-	138.325.210
Thanh lý tài sản cố định	660.346.594	-
Thu nhập khác	805.979	15.827.860
Cộng	<u>661.152.573</u>	<u>164.840.296</u>

7. Chi phí khác

Phí thu tiền, cần trừ công nợ vào chi phí	6.999.511	-
Thanh lý tài sản cố định	657.125.700	-
Chi phí khác	-	2.509.351
Cộng	<u>664.125.211</u>	<u>2.509.351</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận trước thuế	14.835.554.615
<i>Trong đó</i>	
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	8.591.793.198
- Thu nhập khác	6.243.761.417
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-
Thuế TNDN phải nộp	3.708.888.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.073.974.150
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh được miễn giảm 50% tăng quỹ đầu tư	1.073.974.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>2.634.914.504</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.200.640.111	8.704.525.067
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.200.640.111	8.704.525.067
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	8.249.998	7.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.479</u>	<u>1.055</u>

(*) Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm trước và năm nay đã được điều chỉnh hồi tố do phát hành cổ phiếu thưởng.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Theo hướng dẫn của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2010, điều chỉnh trình bày lại một số chỉ tiêu như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số cũ</u>	<u>Mã số mới</u>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	413	323

Chỉ tiêu quỹ khen thưởng phúc lợi được trình bày là một phần của vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày các báo cáo tài chính của kỳ kế toán hiện hành theo hướng dẫn tại thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 chi tiết như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền phải (phải trả)
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ		5.000.000.000
<i>Cộng</i>			<i>(5.000.000.000)</i>

LƯU Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	62,30	68,00
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	37,70	32,00
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	27,38	15,98
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72,62	84,02
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,65	6,26
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	3,35	5,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,18	2,49
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	13,24	13,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	10,89	11,66
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8,56	7,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,04	6,16

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2011



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

LƯU THỊ TÔ NHU
Kế toán trưởng